

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁT HẢI
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28-01-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Văn Năm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Văn Ngọc

Bà Vũ Thị Lại

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Huy Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 và Thông báo về việc thay đổi lịch xét xử số 02/TB-TA ngày 25 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đồng Thị Bảo N; đăng ký HKTT: Tổ dân phố 3, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Tổ dân phố 7, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Quang H; đăng ký HKTT: Tổ dân phố 3, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Tổ dân phố 7, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ghi ngày 05/10/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Đồng Thị Bảo N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Quang H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng vào năm 2014. Vợ chồng chung sống hòa thuận được 03 năm thì phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân là do phong cách sống của hai bên khác biệt nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra việc đánh cãi chửi nhau, mâu thuẫn trầm trọng từ đầu năm 2021. Tháng 7 năm 2021, chị đã có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, qua phân tích của Tòa án và các con của chị còn nhỏ nên chị đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng được đoàn tụ, nhưng đến nay không có kết quả. Nay, chị xét thấy cuộc sống chung của vợ chồng không còn tồn tại, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Hoàng Anh Đ, sinh ngày 18/7/2015 và Hoàng Bảo Q, sinh ngày 01/10/2019. Trước khi mở phiên tòa, chị đề nghị được nuôi cháu Hoàng Bảo Q, còn anh H nuôi cháu Hoàng Anh Đ; về cấp dưỡng nuôi con, chị xin tự thỏa thuận với anh H. Tại phiên tòa, chị đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị nuôi dưỡng, vì hiện nay chị đã có nhà ở và làm kế toán cho Công ty TNHH Du lịch Tùng Lâm, mỗi tháng chị được Công ty trả 7.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị và anh H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong Đơn kiến nghị ghi ngày 20/10/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Hoàng Quang H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh khai thống nhất với chị N về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, thời gian sống hòa thuận. Theo anh, nguyên nhân của việc mâu thuẫn là sau khi sinh con chung thứ hai, chị N có biểu hiện của bệnh trầm cảm, sức khỏe, tinh thần không bình thường và thường xuyên có hành động, lời nói không tôn trọng anh; bên cạnh đó chị N sống không chung thủy với anh, mỗi khi mâu thuẫn chị N thường có hành vi cào cấu và gây thương tích cho anh, mặc dù anh nhận thấy cả hai bên có mâu thuẫn với nhau nhưng vì các con chung còn nhỏ nên anh đề nghị vợ chồng quay trở về đoàn tụ.

Về con chung: Anh thống nhất có 02 con chung là Hoàng Anh Đ, sinh ngày 18/7/2015 và Hoàng Bảo Q, sinh ngày 01/10/2019. Vì anh không đồng ý ly hôn nên anh không có quan điểm về việc có nuôi con hay không nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không có yêu cầu gì.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được việc giải quyết các vấn đề trong vụ án nên Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do và không có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại thị trấn C, huyện C, nên việc Tòa án nhân dân huyện Cát Hải thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Kể từ

khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn là chị N, bị đơn là anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C vào năm 2014 là hôn nhân hợp pháp; căn cứ lời khai của các đương sự trong vụ án, các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được, xác định: Sau khi kết hôn, chị N và anh H sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách của hai bên khác biệt nhau và anh H có nghi ngờ chị N sống không chung thủy với anh nên hai bên thường xuyên xảy ra việc đánh cãi lẫn nhau. Vì vậy, có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Hoàng Anh Đ, sinh ngày 18/7/2015 và Hoàng Bảo Q, sinh ngày 01/10/2019. Trước khi mở phiên tòa, chị N yêu cầu nhận nuôi cháu Q còn cháu Đ đề nghị giao cho anh H chăm sóc. Tại phiên tòa, chị N thay đổi yêu cầu, đề nghị nhận nuôi cả 02 con chung. Xét thấy, theo nguyên đơn trình bày hiện tại 02 con chung đang ở với chị N, tuy nhiên, chị N chỉ có mức thu nhập 07 triệu/tháng và cần sự chu cấp của ông bà ngoại mới đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Vì vậy, không chấp nhận đề nghị của nguyên đơn. Đề nghị giao cháu Q (dưới 36 tháng tuổi) cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Đ cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh của các đương sự và đảm bảo sự phát triển của các cháu.

Về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Chị Đồng Thị Bảo N được ly hôn với anh Hoàng Quang H.
- Về con chung: Giao cháu Hoàng Bảo Q cho chị N, giao cháu Hoàng Anh Đ cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.
- Chị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của anh Hoàng Quang H: Trước khi mở phiên tòa, anh H có đơn đề nghị xin hoãn phiên tòa ngày 13/01/2022, nên Hội đồng xét xử đã có thông báo cho anh H biết về việc hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, anh H vắng mặt mà không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, anh H cư trú tại: Thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải.

[3] Về hôn nhân: Chị N và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận kết hôn số 73 ngày 17/12/2014. Theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được, xác định: Sau khi kết hôn, chị N và anh H chung sống hòa thuận được 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do phong cách sống của hai bên không còn phù hợp, không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và không tin tưởng nhau về tình cảm, dẫn đến việc anh chị xúc phạm, đánh cãi lẫn nhau; hai bên gia đình cũng đã tác động, khuyên giải cho anh chị được đoàn tụ nhưng không có kết quả; anh, chị sống ly thân từ giữa năm 2021. Nay, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn; anh H cũng xác nhận tình cảm vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nhưng vì các con chung còn nhỏ nên anh đề nghị được đoàn tụ gia đình. Có thể thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị N và anh H có 02 con chung là Hoàng Anh Đ, sinh ngày 18/7/2015 và Hoàng Bảo Q, sinh ngày 01/10/2019. Trước khi mở phiên tòa, chị N nhận nuôi dưỡng cháu Q, còn cháu Đ chị đề nghị giao cho anh H nuôi dưỡng; tại phiên tòa, chị đề nghị nhận nuôi cả 02 con. Xét thấy, hiện tại 02 con chung đang ở với chị N, tuy nhiên, chị N chỉ có mức thu nhập mỗi tháng 07 triệu đồng nên không đảm bảo được việc nuôi con. Để đảm bảo được quyền lợi cho các cháu, cháu Q chưa đủ 36 tháng tuổi nên việc giao cháu cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; giao cháu Đ

cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp; về cấp dưỡng nuôi con, chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị N và anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị N và anh H được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Đồng Thị Bảo N được ly hôn anh Hoàng Quang H.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Bảo Q, sinh ngày 01/10/2019 cho chị Đồng Thị Bảo N và giao cháu Hoàng Anh Đ, sinh ngày 17/8/2015 cho anh Hoàng Quang H; chị N, anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với con được giao cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, chị N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và không được lạm dụng quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0003673 ngày 13/10/2021 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Cát Hải;
- Chi cục THADS huyện Cát Hải;
- UBND thị trấn C, huyện C
(Đăng ký kết hôn số 73 ngày 17/12/2014);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Văn Năm